

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 06, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1979; Địa chỉ: 25 P 2165 Australian. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B quen biết nhau thông qua giới thiệu của người bạn từ năm 2013, bắt đầu chung sống như vợ chồng với nhau từ tháng 01 năm 2016 tại nhà cha mẹ ruột của chị A tại số 06, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu. Chị và anh B chung sống trên tinh thần tự nguyện, có chụp hình cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Sau khi chị A sinh con chung với anh B vào năm 2019 thì anh bỏ về nước (Australian) và không liên hệ với chị cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với anh B nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Chị A và anh B chung sống có 01 con chung tên C, sinh ngày 20/5/2019, cháu C hiện đang chung sống với chị A. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Chị A có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của anh B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị A, ngoài ra, anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị A và anh B chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chung sống với nhau như vợ chồng của chị A và anh B không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cần chấp nhận yêu cầu của chị Minh tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị A và anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị A và anh B. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị A được trực tiếp nuôi con chung là cháu C, sinh ngày 20/5/2019, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B là công dân Australian, đang cư trú tại địa chỉ: 25 P 2165 Australian, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của anh B và anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A, ngày 13/7/2020 chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Theo chị A, quá trình chung sống một thời gian thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Sau khi chị A sinh con chung với anh B vào năm 2019 thì anh B bỏ về nước (Australian) và không liên hệ với chị cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với anh B nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B.

Đối với anh B được tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức ủy thác tư pháp, Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh B đối với yêu cầu của chị A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Như vậy, giữa chị A và anh B không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên giữa chị A và anh B không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

[7] Về con chung: Theo chị A xác định chị và anh B chung sống có 01 con chung tên C, sinh ngày 20/5/2019, cháu C hiện đang chung sống với chị A. Căn cứ Giấy khai sinh của cháu C được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Long An cấp ngày 04/6/2019 (Bút lục 07) thể hiện cháu C có cha là B sinh ngày 05/12/1979; Quốc tịch: Australian; Nơi cư trú: 25 P 2165 Australian và mẹ là A. Những thông tin về cha ruột của cháu C tại Giấy khai sinh phù hợp với những lời khai của chị A về quá trình chung sống của chị với anh B và chị sinh cháu C trong thời gian chị và anh B chung sống như vợ chồng, do đó, đủ căn cứ xác

định cháu C là con chung của chị A và anh B. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu về con chung của chị A được giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét thấy, do cháu C dưới 07 tuổi nên chưa đến tuổi pháp luật quy định phải hỏi ý kiến về nguyện vọng của cháu và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do Tòa án quyết định căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Khi ly hôn, anh B đang cư trú ở nước ngoài và chị A đang trực tiếp nuôi cháu C. Để ổn định tâm sinh lý cho cháu C và chị A cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu C nên chấp nhận yêu cầu của chị A, tiếp tục giao cháu C cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tòa án không giải quyết cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A và xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh B; Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị A được trực tiếp nuôi con chung là cháu C, sinh ngày 20/5/2019, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên C, sinh ngày 20/5/2019 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu C đang chung sống với chị A được giữ nguyên.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0014846 ngày 02/7/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp tổng cộng 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng), chị A đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0014871 ngày 10/8/2020 và đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0014865 ngày 13/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt